

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 121/2026/DS-ST
Ngày 26-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và
hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ trụ sở chính: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Thái Thị Hồng H – Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng cá nhân.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Cao Sơn B – Cán bộ xử lý nợ và ông Lê Văn H1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: Số F L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Tổ I, Ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh.

(Ông B có mặt, ông H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có nội dung

như sau:

Ông Nguyễn Ngọc H2 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023 để ông H2 vay số tiền 190.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023, hạn mức thẻ 54.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Ngày 04/10/2023, V1 đã giải ngân cho ông H2 số tiền 190.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 và ngày 05/10/2023, giải ngân số tiền 54.000.000 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-2456592. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Vì vậy V1 khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc H2 thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023, tạm tính đến ngày 20/5/2025 là 322.829.509 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 21/5/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V1 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

Ông Cao Sơn B là người đại diện theo ủy quyền của V1 trình bày: V1 đề nghị xem xét buộc ông H2 trả số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2026: Theo Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023 là 277.965.630 đồng, trong đó nợ gốc là 149.605.133 đồng, nợ lãi là 128.360.497 đồng; Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023 là 203.613.352 đồng, trong đó nợ gốc là 53.794.938 đồng và nợ lãi là 149.818.414 đồng. Tổng cộng số nợ của 02 hợp đồng là 481.578.982 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/5/2026 cho đến khi ông H2 trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã P, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Xét thấy bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định: Ông **Nguyễn Ngọc H2** đã ký kết với **V1** Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023 để ông **H2** vay số tiền 190.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023, hạn mức thẻ 54.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

[4] Thực hiện hợp đồng:

[4.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023: **V1** đã giải ngân cho ông **H2** số tiền 190.000.000 đồng vào ngày 04/10/2023. Ông **H2** đã trả được số tiền gốc 40.394.867 đồng và tiền lãi 27.354.212 đồng. Tính đến ngày 26/5/2026, ông **H2** còn nợ 277.965.630 đồng, trong đó nợ gốc là 149.605.133 đồng và nợ lãi là 128.360.497 đồng.

[4.2] Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023: **V1** đã giải ngân cho ông **H2** số tiền 54.000.000 đồng ngày 05/10/2023. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông **H2** đã thực hiện 06 lần giao dịch với số tiền 112.497.040 đồng. Tuy nhiên ông **H2** chỉ thanh toán cho **V1** được số tiền gốc là 58.702.102 đồng và số tiền lãi là 8.124.926đ. Tính đến ngày 26/5/2026, ông **H2** còn nợ 203.613.352 đồng, trong đó nợ gốc là 53.794.938 đồng và nợ lãi là 149.818.414 đồng.

[5] Do ông **H2** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng ký kết với **V1** nên **V1** khởi kiện yêu cầu buộc ông **H2** trả số tiền nợ từ các hợp đồng trên với số tiền tổng cộng tính đến ngày 26/5/2026 là 481.578.982 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông **H2** phải chịu 23.263.159 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho **V1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V** về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với ông **Nguyễn Ngọc H2**.

Buộc ông **Nguyễn Ngọc H2** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2026 là 481.578.982 đồng, trong đó:

- Số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số LD2327702034 ngày 04/10/2023 là 277.965.630 đồng, trong đó nợ gốc là 149.605.133 đồng và nợ lãi là 128.360.497 đồng.

- Số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-2456592 ngày 05/10/2023 là 203.613.352 đồng, trong đó nợ gốc là 53.794.938 đồng và nợ lãi là 149.818.414 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông **Nguyễn Ngọc H2** còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông **Nguyễn Ngọc H2** với **Ngân hàng TMCP V**.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông **Nguyễn Ngọc H2** phải chịu 23.263.159 đồng án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền 8.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012381 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Danh – Nguyễn Minh Chí

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Huệ - Phạm Hoàng Diễm Trang

Trần Tấn Quốc

[3] Các đương sự thống nhất được các nội dung theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

[4] - Tài sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung gồm:

[5] QSDĐ thửa 147, loại đất thổ, diện tích 913m^2 (đo đạc thực tế là 913m^2), tờ bản đồ số 3; thửa 1687, loại đất lúa, diện tích 2.085m^2 (đo đạc thực tế là 1.950m^2), tờ bản đồ số 2; đều tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Các tài sản khác gồm công trình xây dựng (nhà 1, mái che 3, hồ tròn di chuyển được, giếng nước), tài sản trong nhà đã qua sử dụng (chăn dài, ghế dài, bộ ghế salon, tủ thờ, chạn thờ, tủ tivi, tủ áo, đi-văng, tủ nhỏ, giường, chạn tròn), xe máy đã qua sử dụng (xe Honda city) và cây trồng trên đất (mai vàng): Hiện do ông **B1** đang quản lý sử dụng.

- Theo Mảnh trích đo địa chính số 853-2020 do **Công ty TNHH Đ** vẽ ngày 30/9/2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại **huyện C** ký duyệt ngày 05/10/2020 và bản vẽ phân khu ngày 06/4/2022 của **Công ty TNHH Đ1** (đính kèm bản án này); Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/12/04/TS-LA ngày 07/12/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá **miền N**.